TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

Án số: 26/2019/HNGĐ - ST
Ngày 25/7/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2019/TLST- HNGĐ ngày 21/6/2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXX-ST ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn PD, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh TB

Bị đơn: Anh Bùi Đức Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn PD, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh TB

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/6/2019 và các bản khai bổ sung chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Q tự nguyện về chung sống và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 12/1997, lúc đó chị Th chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên anh chị không đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới anh chị chung sống bình thường đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q ghen tuông vô cớ, nhiều lần anh đe dọa, chửi bới xúc phạm chị, vì con chung chị đã cố chịu đựng, từ tháng 12/2018 tuy vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị Th và anh Q có 2 con chung là Bùi Đức Kh sinh ngày 15/8/1999 và Bùi Thị O sinh ngày 06/9/2002. Ly hôn anh cháu Kh đã trưởng thành

tự lập về kinh tế. Chị Th xin trực tiếp nuôi dạy cháu O không yêu cầu anh Quynh cấp dưỡng nuôi con chung cung chị.

Về tài sản chung: Chị Th và anh Q đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tại bản tự khai đề ngày 21/6/2019 và trong quá trình tố tụng anh Bùi Đức Q trình bầy: Anh và chị Th tự nguyện về chung sống và tổ chức đám cưới vào tháng 10/1997 lúc đó chị Th chưa đủ tuổi kết hôn nên vợ chồng không đi đăng ký kết hôn. Sau đó anh chị bận mải công việc nên cho đến nay cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Sau khi về chung sống anh Q, chị Th sống hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị Th đi lao động xuất khẩu về nước thì sinh sự, lạnh nhạt không quan tâm đến chồng và làm đơn ly hôn anh. Anh Q đã nhiều lần động viên phân tích nhưng chị Th không rút đơn. Nay chị Th xin ly hôn anh Q không muốn vợ chồng ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Do công việc của anh bận mải nên anh Q xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Anh nhất trí ý kiến của chị Th trình bày vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức Kh sinh ngày 15/8/1999 và Bùi Thị O sinh ngày 06/9/2002. Ly hôn cháu Kh đã trưởng thành tự lập về kinh tế. Đối với cháu O chị Th xin trực tiếp nuôi dạy và cháu O xin ở với chị Th nên anh Q tôn trọng ý kiến của con anh đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi dạy cháu O.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng vào Điểm c, mục 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000, Khoản 4, Điều 3,Thông tư 01/2016/TTLT - VKSTC-TATC - BTP ngày 06/01/2016, Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân gia đình 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Q. Giao cháu O cho chị Th nuôi dưỡng chấp nhận tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết, chị Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

[**1]Về tố tụng**: Anh Q vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q .

[**2] Về nội dung**:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Th về việc xin được ly hôn anh Q và yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung thì thấy rằng:

Chị Th và anh Q h chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Nay chị Th xác định chị và anh Q không còn tình cảm, chị Th xin ly hôn anh Q , anh Q đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị Th theo pháp luật. Căn cứ vào Điểm c, mục 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000, Khoản 4, Điều 3 Thông tư 01/2016/TTLT - VKSTC- TATC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đức Q đồng thời giải quyết hậu quả của việc chung sống của anh Q , chị Th theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Về con chung: Chị Th và anh Q có 2 con chung là Bùi Đức Kh sinh ngày 15/8/1999 và Bùi Thị O sinh ngày 06/9/2002. Ly hôn cháu Kh đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên không phải giải quyết. Đối với cháu O , chị Th xin trực tiếp nuôi dạy không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con O cùng chị. Anh Q cũng đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi dạy cháu O do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của anh Q chị Th giao con chung Bùi Thị O cho chị Th trực tiếp nuôi dạy đồng thời chấp nhận tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.2]Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 nghị quyết hướng dẫn thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4, Điều 3, Thông tư 01/2016/TT- VKSTC- TATC - BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành luật hôn nhân gia đình 2014, Khoản 5, Điều 27 nghị quyết 326 /UBTVQH quy định về án lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Đức Q .

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thị O sinh ngày 06/9/2002 cho chị Th trực tiếp nuôi dạy chấp nhận tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0008054 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đương sự có mặt tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.
- Chi cục Thi hành án DS huyệnĐông Hưng
- UBND xã ĐS.
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Nhung